

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 21/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Ông Trương Quang Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020, Thông báo số: 20/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc thay đổi thời gian xét xử và Thông báo: 20A/TB-TA ngày 06 tháng 4 năm 2020 về việc thay đổi thời gian xét xử đối với bị cáo:

Trần Thị L, sinh năm 1957, tại Vương quốc Campuchia;

Nơi cư trú: Tổ 01, khóm Long Quới A, phường Long P, thị xã Tân C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Y (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); có chồng tên Trần Văn T, sinh năm 1959 và có 04 người con, lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1986;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962, nơi cư trú: Ấp Hà B, xã Đa P, huyện A, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1970; (vắng mặt).
- Bà Lê Thị T, sinh năm 1978; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 23/10/2019, Trần Thị L đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Tỉnh (thuộc tổ 10, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc), lợi dụng sơ hở của thân nhân nuôi bệnh, lấy trộm tài sản, bán lấy tiền tiêu xài. Khi bị cáo L đến khu vực Khoa sản của Bệnh viện, thấy Nguyễn Thị N để áo khoác màu đỏ, bên trong có 3.052.000 đồng vào túi xách đựng quần áo, ra nằm võng ngủ; L lén lút lấy trộm áo khoác, đi ra hướng cổng bệnh viện, bị N phát hiện, tri hô cùng mọi người bắt quả tang bị cáo L giao Cơ quan điều tra khởi tố, điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ do Nguyễn Thị N giao nộp: 01 áo khoác dài tay, màu đỏ, có mũ trùm đầu, ngực áo có dòng chữ NIKE RUNNING; 3.052.000 đồng (đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị N).

Kết luận định giá tài sản số: 399/KL-ĐG, ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 áo khoác dài tay, màu đỏ, có mũ trùm đầu, ngực áo có dòng chữ NIKE RUNNING, trị giá 10.000 đồng.

Cáo trạng số: 18/CT-VKSCĐ ngày 28/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017(sau đây gọi chung là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đi đến bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang để tìm tài sản sơ hở lấy trộm, khi thấy áo khoác màu đỏ của Tuyết để trong túi đựng đồ do bà N giữ bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt áo khoác. Bị cáo quan sát thấy bà N nằm võng ngủ nên lén lút dùng tay kéo dây kéo túi đựng đồ lấy cái áo khoác bỏ đi thì bị bà N phát hiện, tri hô như nội dung cáo trạng truy tố.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng việc bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút lấy trộm áo khoác màu đỏ, trong túi áo khoác có số tiền 3.052.000 đồng, với mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bên cạnh đó bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, không biết chữ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bà N đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 3.052.000 đồng đã trả lại cho bị hại nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị N và những người làm chứng ông Nguyễn Phước T, bà Lê Thị T vắng mặt. Xét, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của bị hại và những người làm chứng. Quá trình điều tra, bị hại và những người làm chứng đã có lời khai, ý kiến trình bày nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 23/10/2019; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/10/2019; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/12/2019; bản ảnh hiện trường chụp ngày 18/12/2019, có căn cứ xác định:

Vào trưa ngày 23/10/2019, lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý đối với áo khoác được để trong túi đựng đồ của chủ sở hữu, bị cáo đã nảy sinh ý định và lén lút chiếm đoạt áo khoác của bị hại, bên trong túi áo khoác có số tiền 3.052.000 đồng, áo khoác được định giá 10.000 đồng theo Kết luận định giá số: 399/KL-ĐG ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích có tiền tiêu xài cá nhân; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

Xem xét về nhân thân của bị cáo, thấy rằng ngày 21/4/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp kết án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích nhưng

nay bị cáo lại lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của thân nhân người đi nuôi bệnh tại bệnh viện để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, đồng thời phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[8] Về xử lý vật chứng: Số tiền 3.052.000 đồng đã được giao trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị N trong giai đoạn điều tra nên không đề cập xem xét giải quyết lại.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: Trần Thị L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị L: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo L được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị N là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1)
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1)
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiên